

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2017

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Trang

Ông Trần Thanh Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Minh S, sinh năm 1982. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1984. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phan Minh S trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Diễm C tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi sinh cháu Phan Minh T thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Ngày 02/10/2013, bà Nguyễn Thị Diễm C gửi đơn xin ly hôn với ông và được Tòa án nhân dân huyện T hòa giải đoàn tụ thành nhưng sau đó vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, ông và bà C không về chung sống với nhau. Bà C về sống với gia đình cha mẹ, còn ông sống tại cơ quan Kho bạc Nhà nước huyện T. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2013 cho đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà C không còn yêu thương nhau nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm C.

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là cháu Phan Minh T, sinh ngày 10/11/2012, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì công việc ông ổn định nên có thời gian chăm sóc con, hơn nữa cháu T ở với ông từ tháng 4/2017 cho đến nay và ông không yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm C trình bày:

Bà và ông Phan Minh S tự nguyện đến với nhau năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng bà sống chung với nhau tại xã A, huyện T cho đến khi sinh cháu Phan Minh T vào cuối năm 2012. Năm 2013, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên bà gửi đơn xin ly hôn với ông S và được Tòa án nhân dân huyện T hòa giải đoàn tụ thành. Tuy nhiên, sau đó bà và ông S không chung sống với nhau. Bà về sống với gia đình cha mẹ từ tháng 10/2013 cho đến nay, còn ông S sống tại cơ quan Kho bạc Nhà nước huyện T và vợ chồng ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, ông S xin ly hôn thì bà đồng ý. Tại hồ sơ bà có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Phan Minh T, sinh ngày 10/11/2012. Bà thừa nhận cháu T sống chung với bà từ nhỏ đến tháng 3/2017 và từ tháng 4/2017 ông S đón cháu về ở chung, không cho bà thăm con. Nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh S, tuyên xử ông Phan Minh S được thuận tình ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm C và giao cháu Phan Minh T cho bà Nguyễn Thị Diễm C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phan Minh S khởi kiện tranh chấp xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 29/5/2017, Tòa án nhân dân huyện T có công văn số 34/CV-TA về việc đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam rút đơn xin ly hôn của ông Phan Minh S lên giải quyết theo thẩm quyền do Tòa án nhân dân huyện T chỉ có 01 Thẩm phán nhưng đã được phân công giải quyết vụ án xin ly hôn giữa ông Phan Minh S và bà Nguyễn Thị Diễm C vào năm 2013 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm C. Hội đồng xét xử xét thấy, tại hồ sơ bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh S và bà Nguyễn Thị Diễm C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2012 tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân giữa ông S, bà C là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng khi giải quyết vụ kiện. Ông S và bà C chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khi sinh cháu Phan Minh T năm 2012 thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên năm 2013 bà C đã gửi đơn xin ly hôn với ông S và được Tòa án nhân dân huyện T hòa giải đoàn tụ thành. Tuy nhiên, thực tế sau đó vợ chồng ông S và bà C không về sống chung với nhau, cuộc sống phân ai nấy biết. Bà C về sống với nhà cha mẹ từ tháng 10/2013 đến nay, còn ông S sống tại cơ quan Kho bạc Nhà nước huyện T và vợ chồng ly thân nhau. Tại hồ sơ, Tòa án đã hòa giải nhưng ông S và bà C vẫn kiên quyết xin ly hôn, tình cảm vợ chồng không ai quan tâm đến nhau, cuộc sống phân ai nấy biết. Hội đồng xét xử xét thấy, về tình cảm ông S và bà C thật sự không còn yêu thương nhau nữa, hạnh phúc vợ chồng thực sự tan vỡ, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử phân tích hòa giải nhưng ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, xử cho ông Phan Minh S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông Phan Minh S và bà Nguyễn Thị Diễm C có 01 con chung tên Phan Minh T, sinh ngày 10/11/2012, hiện nay cháu đang ở với ông S. Ông S và bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nuôi con là trách nhiệm chung của cha mẹ, nguyện vọng nuôi con của ông S và bà C là chính đáng. Qua xác minh thì thấy ông S và bà C đều có đủ điều kiện để nuôi con, ông S đang công tác tại cơ quan Kho bạc Nhà nước huyện T có mức lương thu nhập hàng tháng ổn định, bà C làm nghề buôn bán tại huyện T cũng có mức thu nhập đảm bảo để nuôi cháu T. Tuy nhiên, từ tháng 4/2017 đến nay cháu T ở với ông S, được ông S chăm sóc, giáo dục và phát triển bình thường, ông S đưa đón cháu đi học và lo cho cháu đầy đủ, đảm bảo cuộc sống của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ không nên xáo trộn cuộc sống của cháu T mà giao cho ông S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, ông S không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông S và bà C không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Minh S phải chịu là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 28, 37, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh S đối với bà Nguyễn Thị Diễm C về việc “*Xin ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Minh S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm C.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Minh T, sinh ngày 10/11/2012 (hiện đang ở với ông Phan Minh S) cho ông Phan Minh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị Diễm C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Phan Minh S phải chịu là 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Phan Minh S đã nộp tại biên lai thu số 0000018 ngày 03/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa